

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 612; 613; 614; khoản 1 Điều 623; Điều 649; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019; Tranh chấp về thừa kế tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 1, khu C, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh;

* Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 7, khu D, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh;

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà NLQ1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 105/169, tổ 33 phường N, quận L, thành phố Hải Phòng;

2/ Ông NLQ2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 38/83 phố Đ, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng;

3/ Bà NLQ3, sinh năm 1965; Địa chỉ: số nhà 128/169, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng;

4/ Ông NLQ4; Sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 38, phố Đ, tổ 36, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng;

5/ Ông NLQ5; Sinh năm 1970; Địa chỉ: 18/46, phường NN, quận L, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế là toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 869766, do UBND huyện Đ cấp ngày 21/6/2005; Địa chỉ thửa đất: Khu D, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, đứng tên người sử dụng đất Phạm Thị D; Tổng giá trị di sản thừa kế là 700.000.000 đồng. Cụ thể như sau.

1/ Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 300,8m² đất liền kề giáp danh hộ ông NLQ4 về phía Đông, phía tây giáp bờ mương, thể hiện trên sơ đồ được giới hạn tại các điểm 31, 32, T, H, G, 27, 28, 30, 31 và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất đó;

2/ Ông NLQ4 được quyền sử dụng 234m² đất liền kề giáp danh hộ ông Nguyễn Ngọc H về phía Đông và hộ bà Nguyễn Thị N về phía tây thể hiện trên sơ đồ được giới hạn tại các điểm 32, 33, 34, F, 26, 27, G, H, T, 32 và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất đó;

3/ Ông Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng 242,9m² đất liền kề giáp danh hộ ông NLQ4 về phía tây nam, giáp danh hộ bà NLQ3 về phía tây bắc, giáp danh hộ ông NLQ5 về phía đông, thể hiện trên sơ đồ được giới hạn tại các điểm 34, 35, 6, 7, 8, 9, 10, 11, B, E25, 26, F, 34 và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất đó;

4/ Ông NLQ5 được quyền sử dụng 242,9m² đất liền kề giáp danh hộ ông Nguyễn Ngọc H về phía tây, giáp hộ ông NLQ2 về phía đông, thể hiện trên sơ đồ được giới hạn tại các điểm B, 11, 12, 13, 14, C, D, 22, 23, 24, 25, E, B và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất đó;

5/ Ông NLQ2 được quyền sử dụng 243m² đất liền kề giáp danh hộ ông NLQ5 về phía tây, thể hiện trên sơ đồ được giới hạn tại các điểm C, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, D, C và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất đó;

6/ Bà NLQ3 được quyền sử dụng 270m² đất liền kề giáp danh hộ ông Nguyễn Ngọc H về phía đông, phía đông giáp đất công, thể hiện trên sơ đồ được giới hạn tại các điểm 35, 36, 37, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 35 và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất đó.

2.2. Về án phí:

2.2.1 Ông Nguyễn Ngọc H, ông NLQ2, bà NLQ3, ông NLQ4; ông NLQ5 mỗi người phải chịu 2.667.000^d (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2.2 Trả lại bà Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004059, ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo quyết định này là sơ đồ, bản vẽ của từng thửa đất phân chia theo sự thỏa thuận của các đương sự)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Bình